**Tuần 6.**

**Ngày dạy: 14/ 10 / 2024**

**CHỦ ĐỀ 2: KHÁM PHÁ BẢN THÂN**

# TIẾT 16. SINH HOẠT DƯỚI CỜ:

TÌM HIỂU BIỂU HIỆN CỦA KHẢ NĂNG THÍCH NGHI VỚI NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CUỘC SỐNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Sau khi tham gia hoạt động này, HS:

-HS trình bày, phân tích được tầm quan trọng của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:***

- Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học

***- Năng lực riêng:***

-Ý thức rèn luyện khả năng tranh biện

**3. Phẩm chất:** nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với TPT, BGH và GV:**

- Nội dung tầm quan trọng của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại.

- Một số câu hỏi dẫn dắt HS thảo luận.

**2. Đối với HS:**

Chuẩn bị trước một số ý kiến liên quan đến nội dung .

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS trước khi diễn ra buổi lễ chào cờ.

**b. Nội dung:**

-HS ổn định vị trí chỗ ngồi, chuẩn bị chào cờ.

**c. Sản phẩm:**

- Thái độ HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chủ nhiệm yêu cầu HS của lớp mình chuẩn chỉnh trang phục, ổn định vị trí, chuẩn bị.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chào cờ, sơ kết thi đua tuần và phổ biến nhiệm vụ tuần mới**

**a. Mục tiêu:**

-HS hiểu được chào cờ là một nghi thức trang trọng thể hiện lòng yêu nước, tự hào dân tộc và sự biết ơn đối với các thế hệ cha anh đã hi sinh xương máu để đổi lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, giúp mỗi học sinh biết đoàn kết để tạo nên sức mạnh, biết chia sẻ để phát triển.

**b. Nội dung:**

-HS hát quốc ca.

-Tổng phụ trách hoặc BGH nhận xét.

**c. Sản phẩm:**

-Kết quả làm việc của HS và Tổng phụ trách.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- HS điều khiển lễ chào cờ.

- Lớp trực tuần nhận xét thi đua.

- TPT hoặc đại diện BGH nhận xét bổ sung và triển khai các công việc tuần mới.

**Hoạt động 2:** **Sinh hoat theo chủ đề**

a. Mục tiêu:

- HS trình bày, phân tích được tầm quan trọng của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại.

**b. Nội dung:**

- Bài viết khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại.

**c. Sản phẩm:**

- HS trao đổi, chia sẻ ý kiến.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Người dẫn chương trình tuyên bố lí do, giới thiệu BGK.

- Trưởng BGK công bố các tiêu chí chấm thi:

**Về nội dung thuyết trình:**

+ Phân tích được những thay đổi trong cuộc sống hiện đại: Thay đổi môi trường sống, môi trường làm việc, môi trường học tập, hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp, vị thế trong gia đình/ xã hội, các mối quan hệ,...

+ Phân tích được tầm quan trọng của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại: giúp con người giữ được cân bằng, không bị gục ngã, tồn tại, phát triển và thành công trong xã hội hiện đại.

**Về cách thuyết trình:**

+ Trình bày trôi chảy, rõ ràng, thuyết phục.

+ Có dẫn chứng thực tế minh hoạ.

+ Sử dụng lời nói kết hợp với tranh ảnh, video, sơ đồ minh hoạ.

- Về thời gian thuyết trình: *5-7 phút/ người*

- Theo giới thiệu của người dẫn chương trình, lần lượt từng thí sinh lên thuyết trình. Các thành viên BGK sẽ cho điểm công khai đối với từng thí sinh.

- Trưởng BGK công bố danh sách những thí sinh xuất sắc nhất và tặng phần thưởng cho các em.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Trình diễn một số tiết mục văn nghệ (ca, múa, nhạc, đọc ráp,…).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận**

- Cá nhân/ tập thể HS trình bày.

**Bước 4: Báo cáo, đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

*- Kết thúc cuộc thi, người dẫn chương trình đưa ra thông điệp của cuộc thi;* Cuộc sống hiện đại luôn biến động, có nhiều thay đổi. Đừng nản chí, gục ngã mà hãy chấp nhận và sẵn sàng đương đầu, thích nghi với chúng vì tương lai, hạnh phúc của bạn.

**ĐÁNH GIÁ**

- HS chia sẻ thu hoạch và cảm xúc sau khi tham gia cuộc thi.

**C. HOẠT ĐỘNG TIẾP NỐI**

HS tranh biện với bạn bè, người thân về một số vấn đề liên quan đến lứa tuổi HS THCS.

**Tuần 6.**

**Ngày dạy: 19 / 10 / 2024**

**TIẾT 17. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:**

**THÍCH NGHI VỚI SỰ THAY ĐỔI TRONG CUỘC SỐNG (Tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức**

- Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:

- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống.

- Đề xuất và thực hiện được biện pháp rèn luyện để phát triển khả năng thích nghi của bản thân.

 **2. Năng lực**

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác

**\* Năng lực riêng:**

- Kĩ năng thuyết trình

**3. Phẩm chất**

- HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, trung thực, trách nhiệm, nhân ái

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Không gian đủ rộng để tổ chức cuộc thi; tranh ảnh, băng rôn trang trí; ghế ngồi; micro và loa đài; phần thưởng cho thí sinh đạt giải,...

- Thành lập BGK, người dẫn chương trình (MC).

- GV xây dựng thể lệ, các tiêu chí chấm thi thuyết trình và phổ biến thể lệ và các tiêu chí chấm thi thuyết trình đến HS các lớp.

- Giấy Ao, bút dạ, băng dính,...

**2. Đối với học sinh**

- Chuẩn bị nội dung và luyện tập kĩ năng thuyết trình để tham dự thi thuyết trình.

- Sưu tẩm, tìm hiểu câu chuyện, tình huống thực tiễn về khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.

*- SGK và SBT* Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9.

 **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:** Trò chơi “Vận động theo lời bài hát”.

**a. Mục tiêu:**

- HS phản ứng nhanh, linh hoạt các động tác theo những thay đổi của lời bài hát.

- Tạo không khí vui vẻ, thoải mái trong lớp học.

- Tạo hứng thú cho HS tìm hiểu chủ đề mới.

**b. Nội dung:**

- HS tham gia trò chơi

**c. Sản phẩm:**

**-**  HS trình bày

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cử một HS làm quản trò. Quản trò đứng phía trên bảng, vừa hát, vừa làm các động tác cơ thể theo lời một bài hát vui. Cả lớp phải vừa hát, vừa làm động tác theo quản trò. Thỉnh thoảng, quản trò lại bất chợt đổi bài hát và thay đổi động tác cơ thể, cả lớp cũng lập tức phải thay đổi theo. Ai không thay đổi được hoặc thay đổi chậm, người đó sẽ bị phạt.

- HS chia sẻ cảm nhận sau khi chơi trò chơi.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS chơi trò chơi theo hiệu lệnh của bạn quản trò.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận**

- HS vừa hát, vừa làm các động tác cơ thể theo lời một bài hát vui.

**Bước 4: Báo cáo, đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

***- GV kết luận về ý nghĩa của trò chơi:***Cuộc sống luôn có những thay đổi, buộc chúng ta phải chấp nhận sự thay đổi và thay đổi để thích nghi.

- GV chuyển ý, giới thiệu nội dung 2.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống**

**a. Mục tiêu**:

- HS chia sẻ được những kinh nghiệm cá nhân có liên quan đến việc thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.

- Xác định được những biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.

**b. Nội dung**:

- Những biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.

**c. Sản phẩm**:

- HS trình bày.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập*****Nhiệm vụ 1****:* Chia sẻ về những thay đổi em đã gặp phải trong cuộc sống và cách ứng phó thành công hay thất bại của em trước những thay đổi ấy.- GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS đọc các gợi ý ở mục 1, Hoạt động 1 (SGK - trang 13) để dựa vào đó thực hiện nhiệm vụ. Có thể chia sẻ về một người mà em biết đã có những thay đổi trong cuộc sống và cách ứng phó của họ trước những thay đổi ấy.- Tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm nhỏ.- GV mời mỗi nhóm 1 HS chia sẻ trước lớp.- GV tổng kết các kinh nghiệm đã có của HS.***Nhiệm vụ 2****:* Chỉ ra biểu hiện thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống của nhân vật trong các tình huống ở mục 3 (SGK - trang 14).- GV chuyển giao nhiệm vụ 2, hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ.- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.- Thảo luận chung cả lớp.GV tổng hợp các ý kiến và chốt lại:**Tình huống 1**: Biểu hiện khả năng thích nghi của Phong với môi trường học tập mới:*+* Chủ động tìm hiểu về ngôi trường mới, đặc hiệt là về những yêu cầu của nhà trường đối với HS.+ Chủ động làm quen với các bạn trong tổ, lớp.+ Nhờ các bạn hướng dẫn, giúp đỡ mình thêm.+ Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động tập thể của lớp, trường.+ Xung phong nhận những nhiệm vụ phù hợp với sở thích, khả năng để nhanh chóng hoà nhập với môi trường mới.**Tình huống 2**: Biểu hiện khả năng thích nghi của Hiển với cuộc sống gia đình: Khi bố đi công tác xa nhà, Hiển chủ động sắp xếp thời gian để giúp mẹ chăm sóc em nhỏ, làm việc nhà mà vẫn đảm bảo việc học của bản thân.***Nhiệm vụ 3:*** Xác định những biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.- GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS dựa vào kết quả chia sẻ ở nhiệm vụ 1, 2 và gợi ý nêu trong mục 2 (SGK - trang 13) để thảo luận, xác định những biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống. - Nhắc HS nêu thêm những biểu hiện khác.- Thảo luận chung cả lớp.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận** - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện**-GV tổng hợp các ý kiến và kết luận:Những thay đổi có thể gặp trong cuộc sống:*+* Thay đổi về chỗ ở.+ Thay đổi về hoàn cảnh kinh tế gia đình, về các mối quan hệ trong gia đình.*+* Thay đổi về môi trường học tập (chuyển lớp, chuyển trường, chuyển cấp học).+ Thay đổi về quan hệ hạn bè.*+* Thay đổi về vị thế xã hội.-Biểu hiện của khả năng thích nghỉ với những thay đổi trong cuộc sống:+ Chấp nhận sự thay đổi, coi đó là một phần tất yếu của cuộc sống.*+* Dự đoán được những tình huống có thể xảy ra.+ Chủ động học hỏi và tìm hiểu những điều mới để tìm cách ứng xử, thích nghi với sự thay đổi.*+* Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ. | **1.** **Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.**Những thay đổi có thể gặp trong cuộc sống:*+* Thay đổi về chỗ ở.+ Thay đổi về hoàn cảnh kỉnh tế gia đình, về các mối quan hệ trong gia đình.*+* Thay đổi về môi trường học tập (chuyển lớp, chuyển trường, chuyển cấp học).+ Thay đổi về quan hệ hạn bè.*+* Thay đổi về vị thế xã hội.- Biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống:+ Chấp nhận sự thay đổi, coi đó là một phần tất yếu của cuộc sống.*+* Dự đoán được những tình huống có thể xảy ra.+ Chủ động học hỏi và tìm hiểu những điều mới để tìm cách ứng xử, thích nghi với sự thay đổi.*+* Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ. |

**BẢNG VÍ DỤ KHẢ NĂNG THÍCH NGHI CỦA BẢN THÂN VỚI SỰ THAY ĐỔI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sự thay đổi** | **Chưa thích nghi được** | **Đã thích nghi** |
| **Chuyển trường** | - Ngại tiếp xúc với bạn mới.- Ngại tham gia các hoạt động tập thể của lớp. | - Chủ động bắt chuyện và làm quen với các bạn.- Tích cực tham gia các hoạt động tập thể của lớp. |
| **Chuyển nhà** | - Không thích/không thấy phù hợp với  chỗ ở mới của gia đình.- Chưa quen với đường xá, phong tục tập quán, hàng xóm, các điểm sinh hoạt văn hóa… tại chỗ ở mới.- Chưa quen với ngôi trường mới.- Chưa làm quen được với những người bạn mới. | - Chấp nhận việc thay đổi chỗ ở mới của gia đình. Xác định trước những khó khăn phải đối mặt khi sống ở nơi ở mới.- Chủ động hỏi bố mẹ, người thân về nơi ở mới; chủ động tìm hiểu nơi ở mới (địa chỉ, khoảng cách từ nhà đến trường, đường xá, phong tục tập quán, hàng xóm, các điểm sinh hoạt văn hóa…).- Chủ động tìm hiểu ngôi trường mới.- Chủ động làm quen những người bạn mới. |
| **Bố/mẹ tạm nghỉ việc** | Chưa quen với việc bố/mẹ ở nhà, chưa tìm được công việc mới. | - Động viên người thân cố gắng tìm công việc mới.- Chia sẻ, chơi với bố, người thân mỗi tối khi học bài xong. |
| **Bản thân bị ốm** | Cơ thể mệt mỏi, khó chịu, khó chịu với những người xung quanh. | Cố gắng nghỉ ngơi, uống thuốc đúng giờ để:-  Mau khỏe lại cho bố mẹ đỡ vất vả.- Được đến trường học mỗi ngày. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**Tuần 6.**

**Ngày dạy: 19 / 10 / 2024**

# TIẾT 18: SINH HOẠT LỚP:

**CHIA SẺ KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THÍCH NGHI CỦA BẢN THÂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

HS chia sẻ được kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:*** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề

***- Năng lực riêng:***

+ Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, thuyết trình.

**3. Phẩm chất:** nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:**

- Kế hoạch tuần mới.

- Nội dung liên quan,…

**2. Đối với HS:**

- Nội dung sơ kết tuần

- Chuẩn bị theo hướng dẫn của GVCN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:**

-Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen tiết SHL.

**b. Nội dung:**

**-** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GVCN ổn định lớp và hướng HS vào tiết sinh hoạt lớp.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Sơ kết tuần**

**a. Mục tiêu:**

-Tổng kết được các hoạt động tuần cũ và đưa ra kế hoạch tuần mới.

**b. Nội dung:**

- Tổng kết và đưa ra kế hoạch tuần mới

**c. Sản phẩm:**

- Kết quả làm việc của ban cán sự lớp

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu ban cán sự lớp tự điều hành lớp, đánh giá và sơ kết tuần, xây dựng kế hoạch tuần mới.

**Hoạt động 2: Sinh hoạt theo chủ đề**

**a. Mục tiêu:**

HS chia sẻ được kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

**b. Nội dung:**

- Kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

**c. Sản phẩm:**

- HS chia sẻ

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS chia sẻ cá nhân với các bạn trong nhóm về hai nội dung sau:

*+ Kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.*

*+ Những khó khăn em gặp phải trong quá trình rèn luyện và cách em khắc phục những khó khăn đó.*

- Mỗi HS sau khi chia sẻ với các bạn trong nhóm, sẽ nhận góp ý từ các bạn. Yêu cầu tất cả HS đều được nhận ít nhất một ý kiến từ các bạn cùng nhóm.

- GV tổ chức cho cả lớp nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động chia sẻ của HS và của các nhóm.

- HS chia sẻ trong nhóm.

- GV mời mỗi nhóm một HS chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét chung và hướng dẫn HS cách thức vượt qua những khó khăn trong quá trình rèn luyện.

- GV yêu cầu một số HS chia sẻ những điều học hỏi được sau khi tham gia các hoạt động.

- GV kết luận chung:

+ Cuộc sống hiện đại luôn có những thay đổi. Chấp nhận sự thay đổi và có khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại là kĩ năng sống cần thiết mà mỗi người cần có để tồn tại và phát triển trong xã hội đầy biến động. Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống và cách ứng phó với những thay đổi, đồng thời biết khám phá/ tự đánh giá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi giúp chúng ta có những hiểu biết cần thiết để rèn luyện khả năng thích nghi, chủ động đáp ứng và đáp ứng hiệu quả với những thay đổi trong cuộc sống.

- GV nhận xét thái độ tham gia các hoạt động của HS.

- Tuyên dương, khen ngợi những HS và nhóm HS tích cực tham gia các hoạt động.

- GV kết luận hoạt động.

**TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ 2**

Yêu cẩu một số HS chia sẻ những điểu học hỏi được sau khi tham gia các hoạt động.

**GV kết luận** chung: Cuộc sống hiện đại luôn có những thay đổi. Chấp nhận sự thay đổi và có khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại là kĩ năng sống cẩn thiết mà mỗi người cần có để tồn tại và phát triển trong xã hội đầy biến động. Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống và cách ứng phó với những thay đổi, đồng thời biết khám phá/ tự đánh giá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi giúp chúng ta có những hiểu biết cần thiết để rèn luyện khả năng thích nghi, chủ động đáp ứng và đáp ứng hiệu quả với những thay đổi trong cuộc sống.

-Nhận xét thái độ tham gia các hoạt động của HS. Tuyên dương, khen ngợi những HS, nhóm HS tích cực tham gia các hoạt động.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học- Hấp dẫn, sinh động- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.- Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

## **VI. ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ 2:**

1. GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng lẫn nhau trong nhóm về kết quả trải nghiệm Chủ đề 2 theo các tiêu chí đánh giá (SGK - trang 15).

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu cần đạt** | **Đánh giá** |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| 1. Nhận diện được những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân. |  |  |
| 2. Nêu được các biểu hiện của khà năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống. |  |  |
| 3. Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống. |  |  |

***Đạt:***Nếu HS đạt được từ 2 tiêu chí trở lên.

***Chưa đạt:***Nếu HS chỉ đạt nhiều nhất là 1 tiêu chí.

2. HS tiến hành tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng lẫn nhau.

3. GV tổng hợp các kết quả đánh giá từ:

Đánh giá thường xuyên của GV.

Tự đánh giá của HS.

Đánh giá đổng đẳng của nhóm HS.

Đánh giá của cha mẹ HS.

4. GV đưa ra đánh giá cuối cùng về kết quả học tập Chủ đề 2 của HS.

## **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CHỦ ĐỀ 2**

### **1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)**

**Câu 1:** Cách ứng xử đúng khi có người đóng góp ý kiến về điểm yếu của mình là

A. Trở nên tức giận.

B. Lắng nghe để tự thay đổi.

C. Tự ái trước lời góp ý thiện chí.

D. Cho rằng họ là người xấu.

**Câu 2:** Đâu là cách ứng phó khi thay đổi chỗ ở?

A. Xác định trước những khó khăn, thách thức sẽ phải đối mặt khi sống ở nơi mới.

B. Chú ý lắng nghe thầy cô giảng bài.

C. Chủ động học tập, tìm hiểu về bài học.

D. Tích cực giơ tay phát biểu.

**Câu 3:** Đâu là cách ứng xử khi làm một bài Toán khó?

A. Thích nghi với sự thay đổi.

B. Chuyển sang làm bài tập khác.

C. Trao đổi cách làm bài cùng các bạn, học hỏi kinh nghiệm từ những bạn học tốt trong lớp.

D. Vui vẻ, hòa đồng với mọi người.

**Câu 4:** Đâu là biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống?

A. Buồn bã, chán nản trong học tập.

B. Căng thẳng, áp lực trong công việc.

C. Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.

D. Cảm xúc thất thường.

**Câu 5:** Hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là

A. Né tránh giao tiếp.

B. Không biết kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi giao tiếp.

C. Tạo được sự hiểu biết lẫn nhau.

D. Chỉ trích, phê phán người khác.

**Câu 6:** Hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực là

A. Thể hiện sự tôn trọng.

B. Thể hiện sự đồng cảm.

C. Chủ động giao tiếp.

D. Coi thường, hạ thấp người khác.

**Câu 7:** Đâu là biểu hiện của việc lắng nghe tích cực?

A. Phán xét, áp đặt lên suy nghĩ của người khác.

B. Chú ý vào câu chuyện để nắm bắt thông tin.

C. Ngắt lời, chen ngang khi người khác đang nói chuyện.

D. Làm việc riêng khi đang nói chuyện.

**Câu 8:** Thế nào là giao tiếp, ứng xử có văn hóa?

A. Ghen ghét, đố kị với mọi người.

B. Tranh cãi với mọi người.

C. Nói chuyện lớn tiếng với mọi người.

D. Tôn trọng với mọi người.

**Câu 9:** Thế nào là giao tiếp, ứng xử?

A. là hoạt động tương tác giữa người với người nhằm đạt được một mục đích nào đó.

B. là hoạt động tương tác giữa con người với vật nuôi.

C. là cảm xúc của con người trước cảnh vật thiên nhiên.

D. là hành động lăng mạ, xúc phạm giữa người với người.

**Câu 10:** Đâu là hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực?

A. Cắt ngang khi người khác đang nói chuyện.

B. Sử dụng ngôn ngữ không chuẩn mực.

C. Lăng mạ, xúc phạm người vô gia cư.

D. Lịch sự, tế nhị trong giao tiếp, ứng xử.

### **2. THÔNG HIỂU (13 CÂU)**

**Câu 1:** Đâu **không** phải là hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực?

A. Lắng nghe khi người khác đang nói.

B. Thực hiện quy định về giao tiếp, ứng xử nơi công cộng.

C. Ngắt lời khi người khác đang nói mà không xin lỗi trước.

D. Giúp đỡ cụ già, em nhỏ, phụ nữ có thai, những người có hoàn cảnh khó khăn.

**Câu 2:** Đâu **không** phải là hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực?

A. Giúp đỡ cụ già, em nhỏ, phụ nữ có thai, những người có hoàn cảnh khó khăn.

B. Ngắt lời khi người khác đang nói mà không xin lỗi trước.

C. Có những lời nói, hành động, cử chỉ làm tổn thương người khác.

D. Chen lấn, xô đẩy, cười đùa,... gây mất trật tự nơi công cộng.

**Câu 3:** Ý nghĩa của việc giao tiếp, ứng xử tích cực là

A. Sự dè bỉu, xa lánh của mọi người.

B. Vui vẻ, hòa đồng với mọi người.

C. Được mọi người yêu quý, tôn trọng.

D. Sự khó chịu của mọi người.

**Câu 4:** Hành vi **không** nên làm khi tham gia các hoạt động cộng đồng để thể hiện hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là?

A. Chủ động giúp đỡ người khác.

B. Đi muộn, về sớm.

C. Không tuân thủ quy định chung.

D. Làm công việc được giao một cách hời hợt.

**Câu 5:** Hành động thể hiện cách giao tiếp, ứng xử tích cực là

A. Phân biệt màu da.

B. Không tôn trọng sở thích của bạn.

C. Chia bè, chia phái.

D. Đoàn kết tham gia văn nghệ của trường, lớp.

**Câu 6:** Hành vi nào dưới đây **không** phải sử dụng ngôn ngữ tích cực?

A. Ngôn ngữ cộc cằn, thô lỗ.

B. Ngôn ngữ chuẩn mực.

C. Ngữ điệu, âm lượng phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.

D. Không cười nói quá to nơi công cộng.

**Câu 7:** Hành vi nào dưới đây **không** phải sử dụng phi ngôn ngữ chưa tích cực?

A. Cử chỉ không phù hợp khi giao tiếp.

B. Biểu cảm gương mặt thái quá.

C. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp, cử chỉ niềm nở.

D. Có những hành động, cử chỉ không chuẩn mực.

**Câu 8:** Cách khắc phục khi nói quá to là

A. Nói to ở nơi công cộng như công viên, bảo tàng.

B. Điều chỉnh âm lượng đủ người nghe phù hợp với không gian giao tiếp.

C. Nói lí nhí ở nơi không gian mở.

D. Nói lớn tiếng với người lớn tuổi.

**Câu 9:** Cách khắc phục gương mặt không biểu cảm khi nói là

A. Nhìn vào gương luyện tập khẩu hình và thể hiện cảm xúc khi nói.

B. Bắt chước thái độ cau có của người khác và thể hiện biểu cảm.

C. Điều chỉnh âm lượng và biểu cảm nóng giận khi giao tiếp.

D. Luôn thể hiện gương mặt tươi cười trong mọi hoàn cảnh.

**Câu 10:** Cách khắc phục khi thiếu kiểm soát trong giao tiếp, ứng xử là

A. Xem hướng dẫn biện pháp điều chỉnh, cân bằng cảm xúc nhưng không thực hiện.

B. Không lắng nghe đóng góp, ý kiến từ người khác.

C. Không khắc phục, sửa sai về hành vi thiếu kiểm soát.

D. Sử dụng một số biện pháp điều chỉnh, cân bằng cảm xúc trong giao tiếp, ứng xử.

**Câu 11:** Cho biết cách ứng xử, giao tiếp trong bức tranh dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chen lấn, xô đẩy.B. Xếp hàng ngay ngắn khi lên xe buýt.C. Nói chuyện lớn tiếng.D. Cử chỉ làm tổn thương người khác. |   |

**Câu 12:** Cho biết cách ứng xử, giao tiếp trong bức tranh dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chen lấn, xô đẩy.B. Xếp hàng ngay ngắn khi lên xe buýt.C. Nhường ghế cho người già.D. Cử chỉ làm tổn thương người khác. |   |

**Câu 13:** Đâu **không** phải là hành vi ứng xử, giao tiếp tích cực khi đi bảo tàng?

A. Không chạm vào hiện vật.

B. Đi nhẹ, nói khẽ.

C. Nô đùa, chạy nhảy.

D. Không hút thuốc trong khu trưng bày.

### **3. VẬN DỤNG (5 CÂU)**

**Câu 1:** Chỉ ra biểu hiện thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống của nhân vật trong tình huống sau: *“Do công việc làm ăn của bố mẹ nên gia đình Phong phải chuyển đến sống ở một địa phương khác. Phải rời xa ngôi trường cũ và những người bạn đã từng gắn bó suốt mấy năm học, Phong thấy rất buồn và lo lắng. Tuy vậy, bạn đã chủ động tìm hiểu về ngôi trường mới, đặc biệt là về những yêu cầu của nhà trường đối với học sinh. Sau khi được phân vào lớp, Phong đã chủ động làm quen với các bạn trong tổ, trong lớp và nhờ các bạn hướng dẫn, giúp đỡ mình trong học tập và các hoạt động. Phong cũng mạnh dạn tham gia vào các hoạt động tập thể của lớp, của trường và xung phong nhận những nhiệm vụ phù hợp với sở thích, khả năng để nhanh chóng hòa nhập với môi trường mới”.*

A. Phong chủ động tìm hiểu về ngôi trường mới.

B. Phong không làm quen với các bạn mới trong lớp.

C. Phong thấy buồn và lo lắng.

D. Phong chưa hòa đồng, chưa tích cực tham gia các hoạt động của trường, lớp.

**Câu 2:** Chỉ ra biểu hiện thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống của nhân vật trong tình huống sau:*“Gần đây, bố Hiền phải chuyển công tác xa nhà. Việc bố vắng nhà khiến cuộc sống của gia đình Hiền bị xáo trộn. Hiền đã chủ động sắp xếp thời gian để giúp mẹ chăm sóc em, làm việc nhà mà vẫn đảm bảo việc học của bản thân”.*

A. Hiền cùng em chơi điện tử, không quan tâm lời mẹ nói.

B. Hiền chủ động sắp xếp thời gian để giúp mẹ chăm sóc em, làm việc nhà.

C. Hiền không giúp đỡ bố mẹ chăm em.

D. Hiền chủ động thời gian để giúp mẹ chăm em nhưng kết quả học tập của bản thân bị giảm sút.

**Câu 3:** Cho biết điểm tích cực trong tình huống sau: *“T xin phép bố đi chơi với các bạn vào cuối tuần nhưng bố không đồng ý vì đã lâu ông bà ở quê mới có dịp lên chơi. T đã thể hiện thái độ khó chịu và không nói chuyện với bố. Sau khi được chị gái trò chuyện, phân tích, T đã hiểu. T xin lỗi bố và quyết định cuối tuần sẽ ở nhà với ông bà”.*

A. T xin lỗi bố và quyết định cuối tuần sẽ ở nhà với ông bà.

B. T quyết định đi chơi với các bạn vào cuối tuần.

C. Sau khi lắng nghe trò chuyện với chị gái, T đi chơi với các bạn.

D. T không nghe lời bố, tự ý quyết định đi chơi với các bạn.

**Câu 4:** Em hãy nhận xét về hành vi của Hùng trong tình huống sau: *“Hùng đi dạo trên phố và gặp một người nước ngoài có làn da nâu với mái tóc xoăn. Hùng đã đùa cợt và chỉ trỏ vị khách đó”.*

A. Hùng thiếu tôn trọng người khác.

B. Hùng hành xử có văn hóa.

C. Hùng tôn trọng với người khác.

D. Hùng hành xử như thế là đúng.

**Cây 5:** Quan sát tình huống sau: *“Trong một cuộc thảo luận, Hoàng và Huy đã tranh cãi nhau vì bất đồng quan điểm. Hồng nghe thấy thì khuyên mọi người nên hòa giải và lắng nghe nhau còn Hương thì nói rằng cứ để mọi người cãi nhau xem ai là người thắng”.* Em hãy cho biết ai là người có cách ứng xử, giao tiếp tích cực?

A. Huy.

B. Hoàng.

C. Hương.

D. Hồng.

### **4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)**

**Câu 1:** Câu ca dao, tục ngữ nói về cách ứng xử trong văn hóa giao tiếp của người Việt là

A. Một chữ cũng là thầy/Nửa chữ cũng là thầy.

B. Uống nước nhớ nguồn.

C. Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/Người khôn  nói tiếng dịu dàng, dễ nghe.

D. Treo đầu dê, bán thịt chó.

**Câu 2:** Vấn nạn hiện nay của học sinh trên mạng xã hội là

A. Tra cứu thông tin để học bài.

B. Chia sẻ những thông tin bổ ích tới mọi người.

C. Kêu gọi mọi người ứng xử chuẩn mục trên mạng xã hội.

D. Sử dụng ngôn ngữ không đúng chuẩn mực, lăng mạ, xúc phạm người khác.

 **Tổ trưởng Giáo viên dạy**